

Số: **16** /2022/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày **28** tháng 6 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Xét Tờ trình số 2140/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân

bỏ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 215/BC-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố (UBND cấp huyện), UBND các xã, thị trấn (UBND cấp xã) và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

b) Các cơ quan, tổ chức tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, thôn, bản khó khăn nhất, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù; ưu tiên cho các địa bàn còn thiếu hụt cơ sở hạ tầng thiết yếu; phân bổ vốn đầu tư Chương trình tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

3. Đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; tăng cường phân cấp cho cơ sở để tạo sự chủ

động, linh hoạt cho các địa phương, các ngành trong triển khai, thực hiện Chương trình trên cơ sở nội dung, định hướng, lĩnh vực cần ưu tiên, phù hợp với đặc thù, điều kiện, tiềm năng lợi thế từng địa phương, từng vùng theo quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, dễ thực hiện.

4. Nguồn vốn phân bổ hằng năm của Chương trình phải phù hợp với kế hoạch trung hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối ngân sách hằng năm; ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành các chương trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm trước sang năm sau; ưu tiên nguồn vốn cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước có tỷ lệ giải ngân cao để sớm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

5. Phân bổ vốn của Chương trình bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

6. Số liệu làm căn cứ xây dựng định mức được xác định trên cơ sở các văn bản của cấp có thẩm quyền và kế hoạch thực hiện chương trình do UBND tỉnh xây dựng.

Điều 3. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ vốn ngân sách trung ương

1. Tiêu chí, định mức và phương pháp tính toán, xác định nguồn vốn ngân sách trung ương (*vốn đầu tư và vốn sự nghiệp*) phân bổ cho các đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện được quy định chi tiết theo 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Phương pháp phân bổ vốn được xác định như sau:

a) Tổng số vốn phân bổ cho các đơn vị cấp tỉnh được xác định bằng tỷ lệ phần trăm tổng số vốn các dự án, tiểu dự án thành phần.

b) Tổng số vốn phân bổ cho cấp huyện được xác định bằng tổng số vốn các dự án, tiểu dự án thành phần còn lại sau khi phân bổ cho cấp tỉnh.

Tổng số vốn phân bổ của các dự án, tiểu dự án thành phần cho mỗi huyện, thành phố được xác định trên cơ sở định mức vốn cho một điểm phân bổ của dự án, tiểu dự án tương ứng nhân với tổng số điểm của mỗi huyện, thành phố.

Định mức vốn cho một điểm phân bổ của dự án, tiểu dự án bằng tổng vốn phân bổ cho dự án, tiểu dự án đó chia cho tổng số điểm của dự án, tiểu dự án tương ứng (*sau khi trừ đi phần vốn của cấp tỉnh*).

Tổng điểm của dự án, tiểu dự án được xác định bằng số lượng tiêu chí nhân với số điểm của từng tiêu chí tương ứng.

Số điểm của từng tiêu chí được quy định cụ thể theo phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

1. Tổng vốn đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương phải đảm bảo theo mức quy định của Chính phủ để thực hiện Chương trình. Hằng năm, ngân sách địa phương bố trí đối ứng tối thiểu bằng 5% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đủ vốn đối ứng ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ giao cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bố trí đủ vốn đối ứng ngân sách cấp huyện giai đoạn 2021-2025 để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân cấp giao cho các huyện, thành phố thực hiện. Hằng năm căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ bố trí vốn đối ứng cho các huyện, thành phố có tỷ lệ giải ngân cao.

Điều 5. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 28 tháng 6 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giàng Páo Mỹ



Phụ lục số 1

**TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN 1**

Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **16** /2022/NQ-HĐND ngày **28** /6/2022 của
Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Phân bổ vốn đầu tư:

- Phân bổ vốn cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Không quá 50% tổng vốn đầu tư được phân bổ cho nội dung nước sinh hoạt tập trung của dự án 1.

- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Phần vốn còn lại áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất ở	0,4	a	0,4 x a
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nhà ở	0,4	b	0,4 x b
3	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất sản xuất	0,225	c	0,225 x c
4	Cứ 1 công trình nước sinh hoạt tập trung	30	d	30 x d
	Tổng cộng điểm (1+2+3+4)			

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho cấp tỉnh: Không.

- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề	0,1	a	0,1 x a
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	0,03	b	0,03 x b
	Tổng cộng điểm (1+2)			



Phụ lục số 2
TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN 2

Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **16** /2022/NQ-HĐND ngày **28** /6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Phân bổ vốn đầu tư:

- Phân bổ vốn cho cấp tỉnh: Không.

- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn đầu tư đến 01 tỷ đồng được tính 10 điểm	10
2	Dự án có quy mô vốn đầu tư trên 01 tỷ đồng, cứ tăng thêm vốn đầu tư 100 triệu đồng được tính thêm	01
3	Mỗi dự án tại xã biên giới được tính thêm	5
Tổng cộng điểm (1+2+3)		

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho cấp tỉnh: Không.

- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn sự nghiệp đến 10 triệu đồng được tính 0,1 điểm; phần còn lại cứ tăng thêm vốn sự nghiệp 10 triệu đồng được tính thêm	0,1
Tổng cộng điểm (1)		



Phụ lục số 3

**TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN 3**

**Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế
mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16 /2022/NQ-HĐND ngày 28 /6/2022 của
Hội đồng nhân dân tỉnh)*

**1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với
bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân**

1.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho cấp tỉnh: Không.

- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các
tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ	0,004	a	0,004 x a
2	Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình	0,004	b	0,004 x b
3	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung	0,016	c	0,016 x c
4	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ	0,1	d	0,1 x d
5	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ	0,3	đ	0,3 x đ
6	Mỗi tán gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ	0,12	e	0,12 x e
	Tổng cộng điểm (1+2+3+4+5+6)			

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

2.1. Phân bổ vốn đầu tư:

- Phân bổ vốn cho cấp tỉnh: Không.

- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi dự án trồng dược liệu quý	290	a	290 x a
2	Mỗi dự án trồng dược liệu quý có quy mô từ 5 ha trở lên cứ tăng thêm 1ha	10	b	10 x b
Tổng cộng điểm (1+2)				

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho cấp tỉnh: Không quá 9% tổng vốn sự nghiệp được phân bổ của tiểu dự án 2 (*Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không quá 8,5%; Sở Công thương không quá 0,5%*).

b) Phân bổ vốn cho cấp huyện: Phần vốn còn lại áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Phân bổ vốn hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi dự án trồng dược liệu quý	310	a	310 x a
2	Mỗi dự án trồng dược liệu quý có quy mô từ 5 ha trở lên cứ tăng thêm 1ha	10	b	10 x b
Tổng cộng điểm (1+2)				

Địa phương được xây dựng trung tâm giống cây dược liệu quý không áp dụng phương pháp tính điểm phân bổ cho các địa phương, thực hiện phân bổ kinh phí theo nhu cầu thực tế của các địa phương có trung tâm giống cây dược liệu quý được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phân bổ vốn phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư:

+ Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), thôn ĐBKK:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	28	a	28 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã)	5	b	5 x b
	Tổng cộng điểm (1+2)			

+ Nhóm tiêu chí ưu tiên đối với xã ĐBKK hơn:

Tiêu chí xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới	2	a	2 x a
	Tổng cộng điểm (1)			

Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,15	a	0,15 x a
	Tổng cộng điểm (1)			

Tổng số điểm mỗi huyện, thành phố được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các nhóm tiêu chí: Nhóm tiêu chí cơ bản cộng với nhóm tiêu chí ưu tiên.



Phụ lục số 4

**TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN 4**

**Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng
bào dân tộc thiểu số và miền núi**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16 /2022/NQ-HĐND ngày 28 /6/2022 của
Hội đồng nhân dân tỉnh)*

**Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời
sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

1. Phân bổ vốn đầu tư:

1.1. Phân bổ vốn cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình
Dân dụng và Công nghiệp: Không quá 1,7% tổng vốn đầu tư được phân bổ của
tiểu dự án 1 thực hiện nội dung đầu tư trạm y tế xã.

1.2. Phân bổ vốn cho cấp huyện: Phần vốn còn lại áp dụng phương pháp
tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn ĐBKK:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (<i>xã khu vực III</i>)	100	a	100 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	15	b	15 x b
3	Cứ 1 km cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa	16	c	16 x c
4	Cứ xây mới 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	44	d	44 x d
5	Cứ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	8	e	8 x e
6	Mỗi công trình cầu giao thông kết nối các xã biên giới, xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn	500	f	500 x f
7	Mỗi công trình hạ tầng lưới điện cho các xã biên giới, xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn	1.000	g	1.000 x g
	Tổng cộng điểm (1+2 ... +7)			

- Nhóm tiêu chí ưu tiên:

+ Tiêu chí xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới	10	a	10 x a
Tổng cộng điểm (1)				

+ Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,3	a	0,3 x a
Tổng cộng điểm (1)				

Tổng số điểm mỗi huyện, thành phố được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các nhóm tiêu chí: Nhóm tiêu chí cơ bản cộng với nhóm tiêu chí ưu tiên.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

2.1. Phân bổ vốn cho Sở Y tế: Không quá 5% tổng vốn sự nghiệp được phân bổ của tiểu dự án 1.

2.2. Phân bổ vốn cho cấp huyện: Phần vốn còn lại áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn ĐBKK:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	9	a	9 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	1,8	b	1,8 x b
Tổng cộng điểm (1+2)				

- Nhóm tiêu chí ưu tiên:

+ Tiêu chí xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới	1	a	1 x a
Tổng cộng điểm (1)				

+ Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,03	a	0,03 x a
Tổng cộng điểm (1)				

Tổng số điểm mỗi huyện, thành phố được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các nhóm tiêu chí: Nhóm tiêu chí cơ bản cộng với nhóm tiêu chí ưu tiên.



Phụ lục số 5
TIÊU CHÍ ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN 5

Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **16** /2022/NQ-HĐND ngày **28** /6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Tiêu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số

1.1. Phân bổ vốn đầu tư:

- Phân bổ vốn cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp: Không quá 80% tổng vốn đầu tư được phân bổ của tiêu dự án 1.

- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Phần vốn còn lại áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi phòng công vụ giáo viên bổ sung, nâng cấp	1,446	a	1,446 x a
2	Mỗi phòng ở cho học sinh bán trú, nội trú bổ sung, nâng cấp	1,446	b	1,446 x b
3	Mỗi phòng quản lý cho học sinh bán trú, nội trú bổ sung, nâng cấp	1,446	c	1,446 x c
4	Mỗi nhà ăn + nhà bếp bổ sung, nâng cấp	5,784	d	5,784 x d
5	Mỗi nhà kho chứa lương thực bổ sung, nâng cấp	4,5	đ	4,5 x đ
6	Mỗi công trình vệ sinh, nước sạch bổ sung, nâng cấp	4,5	e	4,5 x e
7	Mỗi nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc bổ sung, nâng cấp	4,5	g	4,5 x g
8	Mỗi phòng học thông thường và phòng học bộ môn bổ sung, nâng cấp	3,759	h	3,759 x h
9	Mỗi công trình phụ trợ khác (sân chơi, bãi tập, vườn ươm cây...) bổ sung, nâng cấp	2	k	2 x k
	Tổng cộng điểm (1+2+ ... +9)			

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo: Không quá 14,5% tổng vốn sự nghiệp được phân bổ của tiểu dự án 1.

- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Phần vốn còn lại áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi người học xóa mù chữ	0,5	a	0,5 x a
2	Mỗi lớp học xóa mù chữ	10	b	10 x b
3	Mỗi bộ tài liệu, sách giáo khoa, văn phòng phẩm phát cho người học	0,05	c	0,05 x c
4	Mỗi đơn vị mua sắm trang thiết bị	500	d	500 x d
Tổng cộng điểm (1+2+3+4)				

2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số

2.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc.

- Phân bổ cho Sở Nội vụ: Không quá 0,5% tổng vốn sự nghiệp được phân bổ của tiểu dự án 2.

- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Tối thiểu 53,5% tổng số vốn sự nghiệp được phân bổ của tiểu dự án 2, áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,204	a	0,204 x a
Tổng cộng điểm (1)				

b) Nội dung 2: Đào tạo dự bị đại học, đại học, sau đại học.

- Phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo: Không quá 46% tổng vốn sự nghiệp được phân bổ của tiểu dự án 2.

- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Không.

3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

3.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

3.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho cấp tỉnh: Không quá 26% tổng vốn sự nghiệp được phân bổ của tiểu dự án 3 (*Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không quá 6%; Trường Cao đẳng Cộng đồng Lai Châu không quá 20%*).

- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Phần vốn còn lại áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,035	a	0,035 x a
	Tổng cộng điểm (1)			

4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

4.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

4.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc: 100% tổng vốn sự nghiệp được phân bổ của tiểu dự án 4.

- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Không.





Phụ lục số 6

**TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN 6**

Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16 /2022/NQ-HĐND ngày 28 /6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Phân bổ vốn đầu tư:

- Phân bổ vốn cho cấp tỉnh: Không.
- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu	7	a	7 x a
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn mỗi một làng, bản truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	60	b	60 x b
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2	c	2 x c
4	Hỗ trợ xây dựng mỗi một mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch	60	d	60 x d
5	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	60	e	60 x e
Tổng cộng điểm (1+2+3+4+5)				

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch: Không quá 35% tổng vốn sự nghiệp được phân bổ của dự án 6.

- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Phần vốn còn lại áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hoá truyền thống cho mỗi dân tộc có khó khăn đặc thù	50	a	50 x a

2	Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hoá di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cho mỗi huyện, thành phố	10	b	10 x b
3	Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hóa phi vật thể (mỗi lễ hội; mỗi mô hình văn hoá truyền thống; mỗi dự án nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn; mỗi làng văn hóa truyền thống; mỗi chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hoá truyền thống văn hoá các dân tộc thiểu số...)	3,5	c	3,5 x c
4	Hỗ trợ mỗi nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận	0,6	d	0,6 x d
5	Tổ chức mỗi lớp tập huấn, truyền dạy, câu lạc bộ (mỗi lớp tập huấn; mỗi câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian...)	2	e	2 x e
6	Hỗ trợ hoạt động cho mỗi đội văn nghệ truyền thống	0,5	g	0,5 x g
7	Xây dựng nội dung, xuất bản mỗi ấn phẩm xuất bản sách, đĩa, đĩa phim tư liệu về văn hoá truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số	20	h	20 x h
8	Tổ chức ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số	10	i	10 x i
9	Tổ chức mỗi hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số	3	k	3 x k
10	Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,3	l	0,3 x l
11	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi nhà văn hoá tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,3	m	0,3 x m
12	Hỗ trợ chống xuống cấp cho mỗi di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	5	n	5 x n
Tổng cộng điểm (1+2+ +12)				

Phan



Phụ lục số 7

**TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN 7**

**Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc
thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16 /2022/NQ-HĐND ngày 28 /6/2022 của
Hội đồng nhân dân tỉnh)*

1. Phân bổ vốn đầu tư:

- Phân bổ vốn cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp: 100% tổng vốn đầu tư được phân bổ của dự án 7.
- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Không.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho Sở Y tế: 100% tổng vốn sự nghiệp được phân bổ của dự án 7.
- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Không.



Phụ lục số 8
TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN 8
Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết
đối với phụ nữ và trẻ em

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **16** /2022/NQ-HĐND ngày **28** /6/2022 của
Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho cấp tỉnh: Không quá 22,5% tổng vốn sự nghiệp được phân bổ của dự án 8 (Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh không quá 18,5%; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không quá 4%).

- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Phần vốn còn lại áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	10	a	10 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	2	b	2 x b
3	Mỗi xã ĐBKK là xã biên giới được tính thêm	1	c	1 x c
	Tổng cộng điểm (1+2+3)			



Phụ lục số 9

**TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN 9
Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn
đặc thù**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **16** /2022/NQ-HĐND ngày **28** /6/2022 của
Hội đồng nhân dân tỉnh)

**1. Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã
hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù**

1.1. Phân bổ vốn đầu tư:

- Phân bổ vốn cho cấp tỉnh: Không.

- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các
tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi thôn ĐBKK có DTTS có khó khăn đặc thù sống thành cộng đồng thuộc diện đầu tư	82	a	82 x a
	Tổng cộng điểm (1)			

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho cấp tỉnh: Không quá 3,8% tổng vốn sự nghiệp được
phân bổ của tiểu dự án 1 (Ban Dân tộc không quá 2,8%; Hội Nông dân tỉnh
không quá 1%).

- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Phần vốn còn lại áp dụng phương pháp tính
điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi hộ DTTS còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù thuộc địa bàn đầu tư	0,15	a	0,15 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK có DTTS có khó khăn đặc thù sống thành cộng đồng thuộc diện đầu tư	19	b	19 x b
	Tổng cộng điểm (1+2)			

**2. Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết
thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**


2.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho cấp tỉnh: Không quá 37% tổng vốn sự nghiệp được phân bổ của tiểu dự án 2 (*Ban Dân tộc không quá 22,5%; Sở Tư pháp không quá 9%; Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 5,5%*).

- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Phần vốn còn lại áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi tỷ lệ tảo hôn + Tỷ lệ hôn nhân cận huyết	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực I	1	b	1 x b
3	Mỗi xã khu vực II	1,5	c	1,5 x c
4	Mỗi xã khu vực III	3	d	3 x d
5	Mỗi mô hình được thực hiện	2	đ	2 x đ
	Tổng cộng điểm (1+2+...+5)			

Số mô hình thực hiện (đ) là 20% của tổng số xã khu vực III, II được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có). 



Phụ lục số 10

**TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN 10**

**Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện
Chương trình**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16 /2022/NQ-HĐND ngày 28 /6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030

1.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho cấp tỉnh: Không quá 60% tổng vốn sự nghiệp được phân bổ của tiêu dự án 1 (*Ban Dân tộc không quá 18,5%; Sở Tư pháp không quá 19%, Sở Thông tin và Truyền thông không quá 19%; Liên minh Hợp tác xã không quá 3,5%*).

- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Phần vốn còn lại áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	27	a	27 x a
	Tổng cộng điểm (1)			

Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

2.1. Phân bổ vốn đầu tư:

- Phân bổ vốn cho Sở Thông tin và Truyền thông: 100% tổng vốn đầu tư được phân bổ của tiêu dự án 2.

- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Không.

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho Sở Thông tin và Truyền thông: 100% tổng vốn sự nghiệp được phân bổ của tiểu dự án 2.

- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Không.

3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

3.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

3.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc (*Cơ quan Thường trực Chương trình*): Không quá 55% tổng vốn sự nghiệp được phân bổ của tiểu dự án 3.

- Phân bổ vốn cho cấp huyện: Phần vốn còn lại áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực II	2	b	2 x b
3	Mỗi xã khu vực I	1	c	1 x c
	Tổng cộng điểm (1+2+3)			

